TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 5 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Bà Đặng Quyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Kim T, sinh ngày 01/01/1976, số CCCD: 096176010105, cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết án nguyên đơn bà Lê Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng K chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hòa giải nhưng ông bà không thay đổi được quan điểm. Nay bà T xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Minh D, sinh năm 1997 và Nguyễn Lê K1, sinh ngày 30/4/2009 do ông K đang nuôi dưỡng. Hiện nay Minh D đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà giao Lê K1 cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Hoàng K, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà T nhưng ông K không có ý kiến và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hoàng K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông K vắng mặt không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện chung sống năm 2009, nhưng không đăng ký kết hôn. Bà T xác định quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, gia đình hai bên có hòa giải nhưng ông bà không hàn gắn chung sống được, nên bà xin ly hôn với ông K; ông K không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T. Xét yêu cầu ly hôn của đương sự thấy rằng, hôn nhân của bà T và ông K trên cơ sở tự nguyện, nhưng do ông, bà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét việc cho ông, bà ly hôn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định có khi ly hôn, Minh D đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao Lê K1, sinh ngày 30/4/2009 cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của bà T thấy rằng: Đối với Minh D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với Lê K1 đang do ông K nuôi dưỡng và có nguyện vọng tiếp tục ở với ông K, ông K không có ý kiến gì về việc nuôi con, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T giao Lê K1 cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con ông K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông K không có ý kiến do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Kim T và ông Nguyễn Hoàng K.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Lê K1, sinh ngày 30/4/2009 cho ông Nguyễn Hoàng K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Lê Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Kim T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004116 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Lê Kim T và ông Nguyễn Hoàng K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hiền